

KHIẢ CẠNH VĂN HOÁ CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ

□ TRẦN TRUNG PHƯỢNG

VĂN HOÁ, MỘT PHƯƠNG DIỆN HỢP THÀNH CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Phát triển kinh tế là một quá trình tương tác phức tạp không chỉ bao gồm các nhân tố kinh tế mà còn kết hợp một cách hữu cơ với các khía cạnh phi kinh tế khác, trong đó có văn hóa. Xét ở một bình diện rộng lớn hơn, phát triển kinh tế chỉ là một điều kiện quyết định, là nội dung hợp thành của một vấn đề rộng lớn hơn là phát triển xã hội. Nói đến phát triển xã hội, không ai chỉ nghĩ đến phát triển kinh tế, dù đó là yếu tố quan trọng và quyết định nhất, mà còn phải xét đến tất cả các yếu tố khác tạo thành hệ thống xã hội nói chung.

Nếu hiểu văn hóa là một hệ thống tinh thần - tư tưởng của một cộng đồng có khả năng tác động và chi phối lối sống của từng thành viên trong cộng đồng ấy, hoặc hiểu theo một nghĩa hẹp hơn, văn hóa là một hệ thống các hành vi, thái độ lao động và ứng xử, thì điều hiển nhiên là giữa văn hóa và kinh tế bao giờ cũng có một mối quan hệ tác động hỗ tương. Không chỉ có kinh tế quyết định văn hóa mà chính văn hóa, hiểu như một động lực tinh thần, cũng tạo ra sự tác động mạnh mẽ đối với các quá trình kinh tế.

Kinh tế phát triển của các con Rồng châu Á và của Nhật Bản đã cho thấy rõ một điều: tham gia vào quá trình phát triển kinh tế ở các quốc gia châu Á này không phải chỉ có các yếu tố thuần túy kinh tế như đầu tư, lao động, công nghệ mà còn có sự tham gia tích cực của các định chế xã hội quan trọng như giáo dục, luật pháp, văn hóa. Nhiều học giả nước ngoài còn cho rằng chính nền văn hóa Khổng giáo của các quốc gia châu Á đã đóng góp một vai trò quan trọng trong quá trình tạo ra sự thịnh vượng của các quốc gia này.

Họ cho rằng Khổng giáo là một thứ triết lý thực tiễn, đặt căn bản trên các vấn đề nhân sinh - xã hội rất gần gũi và thiết thực đối với cuộc sống của từng người, và vì thế đã tạo ra được một sức lực tư tưởng và văn hóa cần thiết cho các quá trình phát triển kinh tế. Chính Khổng tử là một trong những triết gia đầu tiên đề xướng quan niệm phải làm cho dân giàu trước khi nghĩ đến các vấn đề khác cao xa hơn (Xem "Luận ngữ", Chương 13: Tử Lộ).

Trong tác phẩm "New hopes for a changing world" (Những hy vọng mới cho một thế giới biến đổi), triết gia Bertrand Russell chứng minh rằng có ba loại mâu thuẫn cơ bản luôn luôn chi phối quá trình phát triển của nhân loại:

- 1/ Mâu thuẫn xung đột với thiên nhiên
- 2/ Mâu thuẫn xung đột với tha nhân
- 3/ Mâu thuẫn xung đột với chính mình

Tương ứng với ba loại mâu thuẫn cơ bản ấy là ba truyền thống văn hoá lớn ở ba khu vực địa lý quan trọng của thế giới: Âu châu, Trung Quốc và Ấn Độ. Trong khi văn hoá thiên

nhiên của Âu Tây chú trọng giải quyết các vấn đề mâu thuẫn giữa con người với thiên nhiên, văn hoá xã hội của Trung Quốc chú trọng các mối quan hệ giữa con người với con người, thì văn hoá tâm linh của Ấn Độ lại đi sâu vào thế giới nội tâm của con người, đặt vấn đề giải phóng cá nhân không phải ở phương diện xã hội mà ở phương diện tư tưởng và tâm linh.

Đứng ở góc độ phát triển kinh tế thì rõ ràng hai loại văn hoá thiên nhiên và văn hoá xã hội, nhất là văn hoá thiên nhiên, dễ tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển khoa học-kỹ thuật và phát triển kinh tế. Điều đó giải thích được tại sao trong khi Âu Tây tiến xa trên con đường khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế thì ở nhiều quốc gia khác trên thế giới, do chịu sự chi phối của một nền văn hoá hướng nội, trình độ khoa học và kinh tế không thể nào phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng được.

Thật ra, với sự giao lưu và lan tỏa văn hoá ngày nay, không một quốc gia nào còn giữ được tính chất nguyên sơ trong văn hoá truyền thống của mình. Sự thâm nhập lẫn nhau giữa các nền văn hoá là một điều tất yếu, và đối với các quốc gia chậm phát triển, vấn đề sinh tử là làm thế nào để tiếp thu các yếu tố văn hoá ngoại lai có lợi cho sự phát triển kinh tế-xã hội nhưng đồng thời vẫn bảo tồn được những tinh hoa văn hoá truyền thống của mình. Xử lý vấn đề này không phải dễ bởi vì không phải lúc nào cũng có thể kết hợp hài hòa các yếu tố văn hoá truyền thống và ngoại lai.

Ngày nay, nói đến phát triển kinh tế, người ta nghĩ đến sự phát triển toàn diện, đồng bộ tất cả các mặt khác nhau của đời sống xã hội: chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường. Nếu phát triển kinh tế dẫn đến sự phá hoại môi trường hoặc làm tan rã bản sắc văn hoá của một dân tộc thì đó chỉ là một sự phát triển phiến diện, có khi lợi bất cập hại.

Xét ở khía cạnh biểu hiện - sinh thành thì văn hoá của một cộng đồng cũng là phương thức sống của cộng đồng ấy. Chúng ta có một công thức tổng quát như sau:

$$\text{SỐNG} = \frac{\text{Mức sống} + \text{Lối sống} + \text{Nơi sống} + \text{Nhịp sống}}{\text{Lẽ sống}}$$

Từ công thức tổng quát nói trên, chúng ta có thể suy ra nhiều "phương án sống" khác nhau, và mỗi phương án đều thích hợp với một trình độ phát triển kinh tế nhất định. Thí dụ: với phương án tối ưu, ta có: mức sống cao, lối sống hiện đại (có tổ chức và có hiệu quả), nơi sống thích hợp, nhịp sống nhanh, lẽ sống đúng (vì sự phát triển của bản thân và cộng đồng...), đây chính là phương án sống thuận lợi nhất cho sự phát triển kinh tế của cá nhân và của cộng đồng. Trong trường hợp ngược lại (mức sống thấp, nhịp sống chậm, trì trệ, lối sống cổ xưa...), sự suy thoái kinh tế là một điều khó thể tránh khỏi. Thật ra, công thức trên chỉ mới đề cập đến khía cạnh *chất lượng cuộc sống*, ngoài ra còn có khía cạnh số lượng, tức vấn đề thời gian sống của con người (vấn đề tuổi thọ)...

XÂY DỰNG MỘT NỀN VĂN HOÁ THÍCH HỢP CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Câu chuyện "Một người Việt Nam bằng ba người Nhật cộng lại, nhưng ba người Việt Nam cộng lại không bằng một

người Nhật" tuy có hơi phóng đại nhưng phần nào cũng nói lên một thực trạng về con người và văn hoá Việt Nam (tất nhiên chỉ ở một khía cạnh nhất định). Chúng ta nhiều lần đã khẳng định: con người là yếu tố quyết định tất cả. Thế nhưng con người không phải là một khái niệm trừu tượng mà là sản phẩm của xã hội, của cả một nền văn hoá. Văn hoá nào, con người ấy, hoặc nói ngược lại cũng đúng, con người nào, văn hoá ấy.

Chúng ta đang xây dựng và phát triển một nền kinh tế thị trường nhằm thực hiện mục đích dân giàu nước mạnh. Nhưng muốn có một nền kinh tế phát triển thì không thể nào chỉ tập trung chú ý vào các yếu tố thuần túy kinh tế, mặc dù đó là những yếu tố có tính chất quyết định trực tiếp. Muốn có một nền kinh tế phát triển, phải có những con người phát triển, và những con người phát triển này không phải là bản sao của một mô thức triết học có tính chất tiên thiên (a priori) mà là chủ thể trực tiếp của các quá trình kinh tế-xã hội, đồng thời là sản phẩm của chính các quá trình ấy. Chính văn hoá nói chung và giáo dục nói riêng giữ một vai trò quyết định trong việc hình thành những con người phát triển, có khả năng thích nghi với các quá trình và cơ cấu phát triển hiện đại của thế giới và có nhiều khả năng tạo ra các giá trị mới, từ những giá trị vật chất đến các giá trị tinh thần. Đó cũng là những con người có các *phẩm chất phát triển* cần thiết như: phong cách, tư duy, kiến thức, ý chí phát triển v.v...

Lâu nay, khi bàn về phẩm chất và tính cách của dân tộc, chúng ta thường có khuynh hướng nghiêng về ca ngợi các đức tính quý báu của dân tộc như: trí thông minh, lòng dũng cảm, cần cù... Đó là một sự thật, và cũng không ai có thể phủ nhận những đức tính cơ bản đó của dân tộc. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng phải thẳng thắn thừa nhận rằng, bên cạnh những tính tốt đó, một bộ phận không nhỏ trong nhân dân đã nhiễm phải những nét xấu khá phổ biến như: khôn vặt, cầu thả, gian dối, thiếu tinh thần cộng đồng trong xây dựng đất nước, thiếu óc sáng tạo, thói ham chuộng từ chương... Rõ ràng, xét theo quan điểm kinh tế, những "tính cách" này không có lợi cho sự phát triển kinh tế, mà còn trở thành vật trở ngại cho quá trình phát triển này nữa.

Để xây dựng một nền văn hoá thích hợp cho sự phát triển kinh tế, không thể không chú ý đến vai trò quyết định của *giáo dục và thông tin* trong việc tạo ra những chủ thể văn hoá-kinh tế năng động và sáng tạo. Không thể bằng lòng với những biện pháp cải cách giáo dục nửa vời mà phải tiến đến một cuộc *cách mạng giáo dục* thật sự hầu phục vụ hữu hiệu cho mục tiêu phát triển của toàn thể quốc gia.

Văn hoá của một dân tộc, trước hết, chính là sự tự trọng của dân tộc ấy. Lòng tự trọng của dân tộc không cho phép chúng ta cam chịu làm thân phận của một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới. Cái gì, nếu không phải là văn hoá, giúp chúng ta cảm nhận một cách thấm thía về nỗi quốc nhục và sự "ray rứt khủng khiếp" này, để từ đó có ý chí vươn lên mạnh mẽ, tạo ra tất cả các điều kiện cần và đủ để đưa đất nước thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu?

TTP.

(Tiếp theo trang 24)

Nông nghiệp nước ta có vai trò khá quyết định đối với việc phát triển của toàn nền kinh tế và tình trạng phát triển của nó ra sao cũng ảnh hưởng đến đời sống của một bộ phận dân tộc trọng yếu là nông dân. Tiếc rằng từ rất lâu, việc hoạch định các chính sách tổng quát cũng như việc đề ra các chỉ tiêu cụ thể cho từng hoàn cảnh không gian và thời gian đã không được xem xét dưới ánh sáng của môn phân tích chính sách lương thực, thông qua một quá trình nghiên cứu, phân tích dựa trên các dữ kiện đã được thu thập đầy đủ. Trong thực tế, không phải là không có những biểu hiện của bệnh chủ quan duy ý chí, sự lẫn lộn giữa tri thức và uy quyền, thói quen dùng những chỉ thị quan liêu thay cho óc phân tích khoa học, dẫn đến những quyết định đôi lúc tùy tiện, đầy cảm tính mà hậu quả là gây nên những ảnh hưởng không tốt đối với đời sống nông thôn và những sự mất cân đối khác trong toàn bộ các vấn đề phát triển nông nghiệp.

Trong nền nông nghiệp đang chuyển theo hướng thị trường hóa như ở nước ta hiện nay, việc hoạch định chính sách tất yếu đòi hỏi phải áp dụng những kiến thức mới ngang tầm với thời đại để có một tầm nhìn trường kỳ trên cơ sở nhận thức đầy đủ mối quan hệ phức tạp giữa các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất và phát triển của khu vực nông thôn hầu có thể tránh được những quyết định bất cập hoặc thậm chí sai lầm khác. Chính vì vậy, việc trang bị kiến thức về môn phân tích chính sách lương thực phải trở thành yêu cầu cấp thiết trong việc đào tạo những cán bộ có trách nhiệm trong các ngành hữu quan, và nên sớm đưa môn học này vào giáo trình dành cho sinh viên các ngành kinh tế — những người sẽ có ảnh hưởng trong tương lai đối với việc đề xuất những chính sách hữu hiệu cho đất nước về phát triển nông nghiệp.

Trong bối cảnh như vậy, việc tổ chức dịch thuật và ấn hành quyển *Phân tích chính sách lương thực* của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thật có ý nghĩa đáng khích lệ; nó xứng đáng để được tiếp nhận nồng nhiệt và cần thiết phải có trong tủ sách của các sinh viên, giáo viên và các nhà hoạt động thực tiễn thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

Đọc quyển sách, tuy rằng được viết với ngôn ngữ khoa học khô khan kèm theo khá nhiều từ ngữ chuyên môn, những hình vẽ và biểu đồ, chúng ta không khỏi cảm phục sự hiểu biết sâu rộng của 3 tác giả, và xúc động trước thiện ý "cứu đời" của họ, bằng việc tận tâm nghiên cứu, chỉ ra cho các nhà hoạt động nông nghiệp ở các nước cách phân tích những vấn đề rắc rối nhằm giải quyết nạn làm than do đói nghèo của các dân tộc.

TKN.

(1) Food Policy Analysis, ấn bản của Ngân hàng Thế giới. Bản dịch được thực hiện trong khuôn khổ hợp tác giữa Trường DHKT. TP. HCM. và Trung tâm CESAIS (tháng 6.1991).